

THÔNG BÁO

**Về việc lấy ý kiến đóng góp của cơ quan, tổ chức, cá nhân
đối với công trình Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa**

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trên cơ sở chỉ tiêu phân bổ của tỉnh, UBND huyện đã hoàn thiện hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cam Lâm theo quy định; đồng thời đã triển khai thực hiện dự án “Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa”.

Theo đó, Kế hoạch quy hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cam Lâm được xây dựng trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, tổ chức, cá nhân và đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn huyện trong năm 2021. Đồng thời là công cụ quản lý Nhà nước về đất đai, làm căn cứ pháp lý để huyện Cam Lâm thực hiện việc thu hồi, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, hướng việc quản lý và sử dụng đất ở địa phương đi vào nề nếp. Đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đồng thời, theo phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cam Lâm huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh phát triển kinh tế theo cơ cấu “Nông – ngư – lâm nghiệp; Công nghiệp – xây dựng; Dịch vụ”, xây dựng nông thôn mới, nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên, để phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cam Lâm đạt được hiệu quả và thực hiện tốt các mục tiêu trên, việc lấy ý kiến Nhân dân là rất cần thiết, nhằm góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của huyện; đồng thời đảm bảo trình tự, thủ tục trước khi trình thẩm định, phê duyệt theo quy định và để đảm bảo nhu cầu sử dụng đất thực hiện các công trình, dự án đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện trong năm 2021.

UBND huyện Cam Lâm thông báo đến quý cơ quan, tổ chức và Nhân dân để lấy ý kiến đóng góp cho phương án “Kế hoạch sử dụng đất năm 2021

huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa” theo quy định tại Điều 43 Luật Đất đai năm 2013.

1. Hồ sơ lấy ý kiến gồm:

- Chỉ tiêu sử dụng đất; danh mục công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm 2021;

- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Cam Lâm.

- Phương thức công khai thông tin và lấy ý kiến: Hồ sơ “Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa” được đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBND huyện Cam Lâm tại địa chỉ <http://http://camlam.khanhhoa.gov.vn/> - mục Quy hoạch - Đầu tư và được niêm yết tại trụ sở UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Cam Lâm.

3. Thời gian lấy ý kiến: 30 ngày kể từ ngày ra thông báo.

4. Hình thức đóng góp ý kiến: Thông qua văn bản góp ý.

5. Nơi tiếp nhận ý kiến đóng góp: Nội dung tham gia đóng góp ý kiến gửi về UBND huyện Cam Lâm (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cam Lâm) hoặc đóng góp trực tiếp tại UBND các xã trong hồ sơ góp ý.

Trường hợp quá 30 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo mà UBND huyện (phòng Tài nguyên và Môi trường), UBND các xã, thị trấn không nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức và cá nhân thì xem như đồng ý với hồ sơ “Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa”.

UBND huyện Cam Lâm rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý cơ quan, đơn vị, các tổ chức và cá nhân để tiếp tục điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ “Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa” trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- TT Huyện ủy (báo cáo);
- TT HĐND huyện (báo cáo);
- Các phòng: TN&MT, KT&HT, GD&ĐT, TC-KH, NN&PTNT, Y tế, Dân tộc;
- Trung Tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Cam Lâm (để phát 03 lần);
- Ban chỉ huy quân sự huyện;
- Công an huyện;
- TTPTQĐ huyện;
- Các BQL: KDLBĐCR, dự án huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện (đăng);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hào

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2021
HUYỆN CAM LÂM - TỈNH KHÁNH HÒA

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Căn cứ pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A.	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐƯỢC PHÂN BỐ TỪ QUY HOẠCH CẤP TỈNH							
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh							
1.1	Đất quốc phòng							
a	Công trình, dự án mới năm 2021							
	Thao trường bắn của huyện	52,00		52,00	CQP	Cam Hiệp Nam		CV 695/BCH-TM ngày 24-09/2020 của BCH Quân sự Cam Lâm
	Khu luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu	5,00		5,00	CQP	Cam Hải Tây		CV 695/BCH-TM ngày 24-09/2020 của BCH Quân sự Cam Lâm
B	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP HUYỆN							
I.	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất							
1.1	Công trình, dự án quá 03 năm							
	Hạ tầng kỹ thuật nước khoáng Suối Dầu (Thuộc Quy hoạch khu công nghiệp Suối Dầu)	9,41		9,41	SKK	Suối Tân	Thửa 3,4,5,6, 7,8,9,10,20	CV 3067/KKT-QLTNMT ngày 16/10/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; QĐ 471/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa; 01 ha đã được LĐLD tỉnh xây dựng hoàn thành Khu thiết chế Văn hóa KCN Suối Dầu
	Cụm công nghiệp Trảng É	25,00		25,00	SKN	Suối Cát; Suối Tân		Văn bản số 110/BDS ngày 26/11/2020 về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Công ty BĐS Khatoco

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Cơ sở pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3) - (4) + (5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Khu đô thị dịch vụ du lịch Resort lô D15 - Hoàn vốn BT: Tuyến đường Tây bán đảo	16,80	3,27	13,53	TMD	Cam Hải Đông	BĐĐC: dc3, 5, 6	CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Khu đô thị - dịch vụ - du lịch cao cấp KV1 - Khu 5 (Lô D18a; D18b; 1 phần D27; D29a; T15; T16; T7; X14; X15 - Hoàn vốn BT Hệ thống thoát nước mưa; giai đoạn 2)	92,50		92,50	TMD	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Khu đô thị - dịch vụ - du lịch cao cấp KV2 - Khu 5 (Lô D18a; 1 phần lô D19; X16 - Hoàn vốn BT Hệ thống thoát nước mưa; giai đoạn 2)	49,20		49,20	TMD	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Tô hợp dịch vụ - du lịch 1 phần lô D40b, T9b1, T9b2, T9d1, T9d2, T9d3, T9c1, X22B, X22C (HĐ BT đường Tây bán đảo)	72,50		72,50	TMD	Cam Hải Đông	BĐĐC: dc58	CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Tô hợp dịch vụ - du lịch 1 phần lô D40b, T9c3, T9c2, 1 phần T9c1, X22f, X22g, X22a (HĐ BT Hệ thống thu gom xử lý nước thải Cam Ranh) - Khu 7	30,00		30,00	TMD	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Hoàn vốn BT đường K2 Tô hợp dịch vụ lô D21a, D21b, T5, T11, T20, T21, D23, ab, X18a, X19 (Khu 6)	195,00	32,32	162,68	TMD	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Dự án khu nghỉ mát Hoàng Gia D1 - X1	64,20	8,20	56,00	TMD	Cam Hải Đông	BĐĐC: dc14	CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Khu đô thị - dịch vụ - du lịch - Khu 3 (đất QP cũ)	12,12		12,12	TMD	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Khu dịch vụ du lịch và công viên D40a; X22a - Khu 7	16,05		16,05	TMD	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Cơ sở pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3) (4) + (5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	KDL và dịch vụ tổ hợp Bắc bán đảo Cam Ranh	15,68	5,92	9,75	TMD	Cam Hải Đông	BĐDC: dc 53, 54, 55	CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Khu đô thị dịch vụ du lịch cao cấp KV3 - Khu 5 (Lô T18; T19; 1 phần lô D19, X16; X17 - Hoàn vốn BT tuyến đường nhánh	80,10		80,10	TMD	Cam Hải Đông	BĐDC: dc24, 30	CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Khu đô thị dịch vụ du lịch cao cấp lô D28, D29b, MN2 - Khu 5 (hoàn vốn BT đường Tây bán đảo)	39,62		39,62	TMD	Cam Hải Đông	thu hồi GCN đầu tư	CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Khu đô thị dịch vụ du lịch cao cấp KV4 - Khu 5 (Lô D26; D27; X13) Hoàn vốn BT tuyến đường nhánh	135,12		135,12	TMD	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Đường Phạm Văn Đồng (nối dài) và đường Hàm Nghi nối dài	4,20		4,20	DGT	Cam Đức		1165/BC-BQL ngày 29/09/2020 ;NQ 41/NQ-HĐND ngày 28/7/2020 của HĐND huyện CL về dự kiến Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 (lần 1); VB 4250/UBND ngày 13/08/2020 của UBND huyện CL v/v giao nhiệm vụ, lập hồ sơ BCDXX CTĐT
	Nâng cấp đường Lê Lai	0,12		0,12	DGT	Cam Đức		NQ 41/NQ-HĐND ngày 21/07/2020 của HĐND Tỉnh; 2586/UBND ngày 11/05/2020; 2392/QĐ-UBND ngày 29/10/2019
	Tuyến đường Tây bán đảo KDL Bắc bán đảo Cam Ranh	62,50	6,35	56,15	DGT	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDD
	Đường Tỉnh lộ 3	23,41	3,62	19,79	DGT	Suối Tân, Suối Cát		CV 2905/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 7/10/2020

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Căn cứ pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3) (4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Đường vào mộ bác sĩ Yersin	3,66		3,66	DGT	Suối Cát	thửa 07, tờ 49	NQ 27 ngày 21/07/2020 đã ghi vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn 2021 -2025
	Cải tạo, nâng cấp kênh chính Nam hồ chứa Cam Ranh và kênh chính hồ chứa Suối Dầu	10,88		10,88	DTL	Cam Đức, Cam Hải Tây, Cam Tân, Cam Thành Bắc; Suối Tân		VB 3308/SNN-QLXD ngày 07/10/2020; NQ 26/NQ-HĐND ngày 21/07/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021; NQ 27 ngày 21/07/2020 đã ghi vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn 2021 -2025; QĐ 1807/QĐ-UBND ngày 22/06/2018 về việc phê duyệt dự án
	Đường dây 220kV Nha Trang - Tháp Chàm	18,77	1,08	17,69	DNL	Cam An Bắc; Cam Phước Tây; Cam Tân; Sơn Tân; Suối Cát; Suối Tân Cam An Bắc; Cam Phước Tây;	thôn Vĩnh Trung	CV 3684/CPMB-PĐB ngày 28/04/2020 Ban QLDA các công trình Điện miền Trung
	Đường dây 500kV Vân Phong - Vĩnh Tân	21,27		21,27	DNL	Cam Tân; Sơn Tân; Suối Cát; Suối Tân		CV 7749/CPMB-PĐB ngày 24/08/2020 ban QLDA các công trình Điện miền Trung
	Trường THPT Cam An Nam	2,10		2,10	DGD	Cam An Nam		NQ 26/NQ-HĐND ngày 21/07/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021 ; NQ 27/NQ-HĐND ngày 21/07/2020 về cho ý kiến đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 -2025 (lần 2)
	Khu dân cư và tái định cư N4 - Khu 3	34,00		34,00	ONT	Cam Hải Đông	BDDC: dc 42, 45, 46	CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDĐ

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Cơ sở pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3) (4)-(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.2	Nhà ở công nhân khu công nghiệp Suối Dầu	4,05		4,05	ONT	Suối Tân	tờ 22; thửa: 16, 18, 19, 20, 22, 40	CV 3067/KKT-QLTNMT ngày 16/10/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; QĐ 471/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa: 01 ha đã được LDLĐ tỉnh xây dựng hoàn thành Khu thiết chế Văn hóa KCN Suối Dầu
	Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải KDL Bắc bán đảo Cam Ranh (xây dựng nhà máy)	3,95		0,69	DRA	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDĐ
	Công viên cây xanh phòng hộ và đường dạo ven biển (Vệt 20m đường Nguyễn Tất Thành và Vệt 30m ven biển KDL bán đảo Cam Ranh)	45,00		45,00	DKV	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDĐ
	<i>Công trình, dự án năm 2019, 2020 chuyển tiếp sang năm 2021</i>							
	Đường Nguyễn Chí Thanh	2,59		2,59	DGT	Cam Đức		CV 2586/UBND ngày 11/05/2020 ; QĐ 2349/QĐ-UBND ngày 29/10/2019; NQ 41/NQ-HĐND ngày 21/07/2020
	Đường Nguyễn Văn Linh	2,60		2,60	DGT	Cam Đức		CV 2586/UBND ngày 11/05/2020 ; QĐ 2393/QĐ-UBND ngày 29/10/2019; NQ 69/NQ-HĐND ngày 29/09/2020 của HĐND Tỉnh

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Cơ sở pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3)-(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Kè và đường ven đầm Thủy Triều (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Yersin)	13,32		13,32	DGT	Cam Đức		CV 2586/UBND ngày 11/05/2020; NQ 26/NQ-HĐND ngày 21/07/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021; NQ 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025; NQ 41/NQ-HĐND ngày 21/07/2020
	Đường vào khu tái định cư Bãi Giếng 1, thị trấn Cam Đức phục vụ dự án cao tốc Bắc Nam	0,73		0,73	DGT	Cam Đức		NQ 41/NQ-HĐND ngày 21/07/2020 của HĐND Tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất bổ sung; 3422/QĐ-UBND ngày 11/11/2019
	Cải tạo nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang - Sài Gòn đoạn qua địa phận tỉnh Khánh Hòa - Hạng mục hàng rào đường gom Km1331 + 342 - Km1331 + 810	0,32		0,32	DGT	Suối Cát		Văn bản 2115/QĐ-BGTVT ngày 8/11/2019
	Hàng rào đường gom (tuyến đường sắt), (Dự án Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang-Sài Gòn, tuyến đường sắt Hà nội -Tp.Hồ Chí Minh đoạn địa phận tỉnh Khánh Hòa)	3,30		3,30	DGT	Suối Cát		NQ 41/NQ-HĐND ngày 21/07/2020 của HĐND Tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất bổ sung
	Đường cao tốc phía Đông	260,20	181,56	78,64	DGT	Cam An Bắc, Cam Phước Tây, Cam Hiệp Bắc, Cam Hiệp Nam, Cam Hòa, Cam Tân,		dự án đang thực hiện
	Cải tạo ĐZ 110KV Nha Trang - Diên Khánh - Suối Dầu	0,03		0,03	DNL	Suối Cát, Suối Tân		CV 5345/NPMU-ĐB ngày 19/09/2020 BQLDA lưới điện miền Trung

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Cơ sở pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Dự án Nhà máy điện mặt trời Điện lực Miền Trung	70,00	67,25	2,75	DNL	Cam An Bắc	Thôn Thủy 3	Điều chỉnh S đổi theo CV số 3917/CREB-ĐB ngày 29/9/2020 của BQLDA điện nông thôn miền trung; Điều chỉnh QH, KHSDD năm 2021 đối với phần diện tích hoán đổi 2,75 ha của dự án đã được UBND tỉnh thông nhất điều chỉnh tại Văn bản số 193/UBND-VP ngày 08/01/2020
	Dự án đầu nối 110kV sau TBA 220kV Cam Ranh	0,08		0,08	DNL	Cam Thành Bắc		CV 5345/NPMU-ĐB ngày 19/09/2020 BQLDA lưới điện miền Trung; QĐ 6341/QĐ-EVNCP ngày 27/07/2019 của Tổng ty Điện lực miền Trung v/v phê duyệt Báo cáo NCKT ĐTXD dự án
	Tuyến đường dây 110kV Suối Dầu - Cam Ranh (Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110KV Suối Dầu - Cam Ranh)	0,73		0,73	DNL	Cam Đức, Suối Tân, Cam Tân, Cam Hòa, Cam Hải Tây, Cam Thành Bắc		CV 5345/NPMU-ĐB ngày 19/09/2020 BQLDA lưới điện miền Trung; QĐ 6462/QĐ-EVNCP ngày 18/07/2019 của Tổng ty Điện lực miền Trung v/v phê duyệt Báo cáo NCKT ĐTXD dự án
	Trạm biến áp 220kV Cam Ranh và đường dây 220kv đầu nối vào trạm	5,05		5,05	DNL	Cam Thành Bắc, Cam Hiệp Nam, Cam An Bắc; thị trấn Cam Đức		CV 6457/SPMB - ĐB BQLDA các công trình điện Miền Nam bổ sung diện tích 662 m2 đăng ký kế hoạch sử dụng đất Dự án Trạm biến áp 220KV Cam Ranh
	Trường tiểu học Cam Đức 1	1,00		1,00	DGD	Cam Đức		Văn bản 1165/BC-BQL ngày 29/09/2020; 2586/UBND ngày 11/05/2020; NQ 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 -2025

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Căn cứ pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Khu biệt thự Cam Hải Đông, công ty cổ phần Đất Mới	65,00		65,00	ONT	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDĐ
	Nhà nghỉ Bộ công an Lô D2	9,70		9,70	ONT	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDĐ
	Khu tái định cư thôn Xuân Lập (phục vụ dự án cao tốc Bắc - Nam)	0,72		0,72	ONT	Cam Tân		Văn bản số 4444/STNMT-CCQLĐĐ ngày 21/10/2020 về việc bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020
	Công viên văn hóa Bãi Dài X20, Cty cổ phần Đất Mới	50,00		23,00	DKV	Cam Hải Đông		CV 591/BQLKDL bán đảo Cam Ranh ngày 14/10/2020 đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện KHSDĐ
1.3	Công trình, dự án mới năm 2021							
	Cụm công nghiệp Tân Lập	40,00		40,00	SKN	Cam Thành Bắc		Văn bản 1616-SCT-KHTCTH ngày 05/10/2020
	Đường Lê Duẩn (đoạn từ Lê Lợi đến Hàm Nghi)	1,70		1,70	DGT	Cam Đức		VB 1165/BC-BQL ngày 29/09/2020; NQ 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 -2025; NQ 41/NQ-HĐND đầu tư công năm 2021(lần 1); VB 4250/UBND ngày 13/08/2020 giao nhiệm vụ, lập hồ sơ BCDX CTĐT

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Căn cứ pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3) (4) (5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Kè và đường ven đầm Thủy Triều (đoạn từ đường Yersin đến Cam Thành Bắc)	16,85		16,85	DGT	Cam Đức, Cam Thành Bắc		VB 2586/UBND ngày 11/05/2020; NQ 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 -2025; NQ 41/NQ-HĐND đầu tư công năm 2021(lần 1); VB 4250/UBND ngày 13/08/2020 giao nhiệm vụ, lập hồ sơ BCĐX CTĐT
	Mở rộng và cải tạo một số vị trí đường cong nằm trên đường đèo Khánh Sơn	0,62		0,62	DGT	Cam Phước Tây		CV 2905/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 7/10/2020; NQ 27 đã ghi vôn trong kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025
	Đường gom qua địa bàn huyện Cam Lâm (Km 1483+272 - Km 1485+050)	3,56		3,56	DGT	Cam Hoà		VB 1165/BC-BQL ngày 29/09/2020; NQ 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 -2025; NQ 41/NQ-HĐND đầu tư công năm 2021(lần 1); VB 4250/UBND ngày 13/08/2020 giao nhiệm vụ, lập hồ sơ BCĐX CTĐT
	Hồ chứa nước Suối Sâu	20,00		20,00	DTL	Cam Hiệp Bắc		VB 3308/SNN-QLXD ngày 07/10/2020; NQ 27 ngày 21/07/2020 đã ghi vôn trong kế hoạch đầu tư trung hạn 2021 -2025
	Trường Mầm non Sơn Ca	1,00		1,00	DGD	Cam Tân	140,141,162 (tờ 19)	Văn bản 563/PGDĐT ngày 14/10/2020; - NQ 40/NQ-HĐND ngày 28/7/2020 về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2)

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Căn cứ pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3) - (4) - (5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
II	Công trình trụ sở làm việc Đội QLTT thuộc Cục QLTT tỉnh Khánh Hòa	0,10		0,10	DTS	Cam Đức		Văn bản 348/CQLTT-TCHC ngày 30/09/2020; CV 109/SKHĐT-TH ngày 11/01/2018 về việc cấp vốn triển khai công trình Trụ sở làm việc Đội QLTT số 6; CV 4680/BCT-KH ngày 01/07/2019 về việc đầu tư các dự án chuyển tiếp từ các Cục Quản lý thị trường địa phương.
	Nhà máy điện rác Cam Lâm - Khánh Hòa	50,00		50,00	DRA	Suối Cát		Báo cáo số 4111/BC-SKHĐT ngày 16/11/2020; Thông báo số 614-TB/BCS ngày 26/11/2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh
	Khai thác khoáng sản đất đá làm vật liệu xây dựng tại núi Hòn Cẩu	10,37		10,37	SKX	Suối Tân		Quyết định số 3844/GP-UBND ngày 13/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa
	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất							
	Trạm Y tế Cam Phước Tây	0,10	0,10		DYT	Cam Phước Tây	Thửa 259, tờ 35	CV 1468/YTCL-TCHC ngày 29/9/2020 của trung tâm y tế Cam Lâm
	Phòng khám ĐKKV Suối Tân	0,47	0,47		DYT	Suối Tân	Thửa 72, tờ số 7	CV 1468/YTCL-TCHC ngày 29/9/2020 của trung tâm y tế Cam Lâm
	Trang trại xanh	43,93		43,93	NKII	Cam Phước Tây		Quyết định 2735/QĐ-UBND v/v cho CT TNHH Nông nghiệp Việt Thắng thuê đất để thực hiện dự án Trang trại Xanh
	Chuyển mục đích sang đất trồng cây hàng năm khác	0,24		0,24	HNK	Cam Đức		
	Chuyển mục đích sang đất trồng cây hàng năm khác	0,51		0,51	HNK	Cam Phước Tây		

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Căn cứ pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3) (4)-(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng	5,00		5,00	CLN	Suối Cát		CV 462/NNPTNT ngày 10/09/2020
	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	8,22		8,22	CLN	Cam An Nam		
	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	12,86		12,86	CLN	Cam Đức		
	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	8,23		8,23	CLN	Cam Hải Tây		
	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	0,42		0,42	CLN	Cam Hiệp Bắc		
	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	3,16		3,16	CLN	Suối Tân		
	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	2,67		2,67	CLN	Cam Tân		
	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	7,23		7,23	CLN	Cam Hiệp Nam		
	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	5,86		5,86	CLN	Cam Hòa		
	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	2,53		2,53	NKH	Cam An Bắc		
	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	0,87		0,87	NKH	Cam An Nam		
	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	0,87		0,87	NKH	Cam Hiệp Nam		
	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	1,88		1,88	NKH	Suối Cát		
	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	0,13		0,13	NKH	Cam Hiệp Bắc	tờ 4 thửa 70; tờ 33 thửa 42; tờ 20 thửa 41	
	Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ	0,49		0,49	TMD	Cam Hải Tây		
	Chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh	0,68		0,68	SKC	Suối Cát		
	Chuyển mục đích sang đất ở	0,13		0,13	ONT	Cam An Bắc		
	Chuyển mục đích sang đất ở	3,74		3,74	ONT	Cam An Nam		
	Chuyển mục đích sang đất ở	2,40		2,40	ONT	Cam Hải Đông		
	Chuyển mục đích sang đất ở	21,88		21,88	ONT	Cam Hải Tây		

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Căn cứ pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Chuyển mục đích sang đất ở	0,26		0,26	ONT	Cam Hiệp Bắc		
	Chuyển mục đích sang đất ở	7,20		7,20	ONT	Cam Hiệp Nam		
	Chuyển mục đích sang đất ở	2,46		2,46	ONT	Cam Hòa		
	Chuyển mục đích sang đất ở	0,67		0,67	ONT	Cam Phước Tây		
	Chuyển mục đích sang đất ở	7,58		7,58	ONT	Cam Tân		
	Chuyển mục đích sang đất ở	37,88		37,88	ONT	Cam Thành Bắc		
	Chuyển mục đích sang đất ở	4,87		4,87	ONT	Suối Cát		
	Chuyển mục đích sang đất ở	28,66		28,66	ONT	Suối Tân		
	Chuyển mục đích sang đất ở	13,53		13,53	ODT	Cam Đức		
III	Đấu giá quyền sử dụng đất (lúa sang cây lâu năm)							
	Khu bán đấu giá	0,02		0,02	ONT	Suối Cát	Thửa 202, tờ 33	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021
	Khu bán đấu giá	0,01		0,01	ONT	Suối Cát	Thửa 203, tờ 33	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021
	Khu bán đấu giá	0,02		0,02	ONT	Suối Cát	Thửa 64, tờ 06	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021
	Khu bán đấu giá	0,09		0,09	ONT	Suối Cát	Thửa 73, tờ 32	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Căn cứ pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3) (4) (5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Khu bán đấu giá	0,09		0,09	ONT	Suối Cát	Thửa 154, tờ 23	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021
	Khu bán đấu giá	0,30		0,30	ONT	Suối Tân	Thửa 63, tờ 33	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021
	Khu bán đấu giá	0,03		0,03	ONT	Cam Hiệp Nam	Thửa 124 tờ 24	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021
	Khu bán đấu giá	0,13		0,13	ONT	Cam Hiệp Nam	Thửa 43 tờ 26	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021
	Khu bán đấu giá	0,15		0,15	ONT	Cam An Bắc	thửa 02 tờ 11	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021
	Khu bán đấu giá	0,25		0,25	ONT	Cam An Bắc	thửa 62 tờ 17	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021
	Khu bán đấu giá	0,09		0,09	ONT	Cam An Bắc	thửa 68 tờ 17	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021
	Khu bán đấu giá	0,10		0,10	ONT	Cam An Bắc	thửa 77 tờ 17	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021
	Khu bán đấu giá	0,15		0,15	ONT	Cam An Bắc	thửa 199 tờ 18	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Vị trí (Số tờ, số thửa)	Căn cứ pháp lý xem xét thẩm định
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Khu bán đấu giá	0,04		0,04	ONT	Cam Hòa	Thửa 61, tờ 37	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021
	Khu bán đấu giá	0,02		0,02	ONT	Cam Hòa	Thửa 103, tờ 37	CV 999/BC-PTQĐ ngày 21/09/2020 về kế hoạch chuyển đổi quỹ đất bán đấu giá của các xã năm 2021

Ghi chú: - Công trình, dự án được phải được xác định chi tiết đến Số tờ, số thửa và trên địa bàn từng ấp, khu phố, thôn, xã
- Danh mục công trình, dự án phi nông nghiệp trong biểu 10.1 CH dùng để tổng hợp vào từng hạng mục trong biểu 10 CH

BIỂU 06/CH: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
HUYỆN CAM LÂM - TỈNH KHÁNH HÒA

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				Cam An Bắc	Cam An Nam	Cam Đức	Cam Hải Đông	Cam Hải Tây	Cam Hiệp Bắc	Cam Hiệp Nam	Cam Hoà	Cam Phước Tây	Cam Tân	Cam Thành Bắc	Sơn Tân	Suối Cát	Suối Tân
(1)	(2)	(3)	(4)-(5)-(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	Tổng diện tích tự nhiên		54.659,68	2.105,37	1.854,78	1.762,28	3.605,57	1.155,41	1.552,21	1.894,65	3.744,04	8.695,32	2.882,32	2.167,70	5.515,96	10.053,06	7.671,03
1	Đất nông nghiệp	NNP	46.535,16	1.367,68	1.514,04	1.404,65	1.701,29	978,21	1.429,99	1.356,55	3.230,50	8.067,77	2.574,64	1.577,58	5.216,94	9.417,88	6.697,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.767,72		24,18	42,58	3,56	4,13	25,70	12,64	555,55	294,67	295,59	221,32	6,70	183,66	187,44
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.328,71</i>			<i>13,33</i>			<i>17,99</i>		<i>428,84</i>	<i>170,14</i>		<i>155,74</i>		<i>147,91</i>	<i>160,81</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.607,47	569,93	661,06	89,92	325,24	12,57	83,72	488,18	52,69	660,38	146,45	222,93	25,01	143,84	125,55
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.764,91	145,41	246,63	1.121,41	221,90	867,17	470,07	391,81	736,17	270,15	450,75	1.035,04	509,16	451,03	848,21
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.805,61									3.899,75	216,07		4.647,42	42,37	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	10.367,33									1.075,96				6.103,99	3.187,38
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	13.431,60	639,70	558,42		1.038,32	26,51	850,15	452,95	1.720,21	1.905,30	1.456,43		28,65	2.418,22	2.336,74
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	557,43		1,16	137,71	115,34	66,96			161,40	4,54	6,31	60,29		0,66	3,06
1.8	Đất làm muối	LMI	0,83					0,83									
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	232,27	12,64	22,59	13,02	3,06	0,04	0,35	10,97	4,48	47,02	3,04	37,99		74,12	9,06
2	Đất phi nông nghiệp	PNS	6.564,81	411,31	258,26	357,63	1.478,80	177,20	120,60	194,76	463,60	553,97	299,12	590,12	284,38	626,36	748,70
2.1	Đất quốc phòng	QPP	525,25	3,44	5,04	2,42	135,25	3,82			52,90	9,89		283,09			39,31
2.2	Đất an ninh	CAN	4,24			3,82										0,17	0,24
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	121,43													47,28	13,94
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	61,22														
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	802,94		0,22	0,81	794,15	1,70	0,15	0,08	0,12	1,48	0,22	0,16		1,61	2,24
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	127,45	2,59	4,21	13,69		2,16				2,33	3,52	29,16		49,65	29,42
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS															
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.175,30	331,12	140,53	209,63	321,01	75,67	85,47	87,21	299,65	351,16	186,24	149,10	198,76	333,18	406,58
2.8.1	Đất giao thông	DGT	1.584,39	83,64	67,44	174,56	311,21	58,63	74,45	89,57	104,07	109,30	95,66	115,86	8,27	146,20	154,51
2.8.2	Đất thủy lợi	DHT	941,00	2,19	3,12	19,39	4,27	9,05	8,79	1,50	16,79	209,10	82,35	27,12	185,97	142,85	228,51
2.8.3	Đất công trình năng lượng	DNI	343,30	239,67	63,76	0,32	0,33	0,30			0,24	25,57	0,90	0,36	2,86	4,34	4,64
2.8.4	Đất công trình văn hóa, lịch sử, di sản văn hóa	DBI	1,28	0,02	0,07	0,27	0,33	0,03	0,02	0,02	0,03	0,08	0,10	0,03	0,03	0,09	0,14
2.8.5	Đất cơ sở văn hóa	DVI	6,07	0,26		3,30	0,52	0,20	0,21	0,07	0,47	0,28	0,56	0,12			0,07
2.8.6	Đất cơ sở y tế	DVI	3,93	0,20	0,36	3,04	0,50	0,11	0,06	0,09	0,11	0,16	0,21	0,06	0,24	0,16	0,64
2.8.7	Đất cơ sở giáo dục, đào tạo	DGI	103,54	2,60	5,21	7,10	3,46	7,33	17,4		4,63	4,35	4,11	5,06	0,73	37,49	17,03
2.8.8	Đất cơ sở thể dục, thể thao	DII	183,43	1,44		0,28	0,33				2,04	172,16	2,00	1,84		1,72	
2.8.9	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH															
2.8.9	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DVI	0,04			0,02					0,02						
2.8.10	Đất chợ	DKH	6,31	1,19	0,29	0,68	0,02		0,20	0,19	1,14	0,33	0,51	0,49		0,32	1,94
2.9	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDI	10,04				4,00									6,04	
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	11,64		5,48		4,55										1,61
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	725,14	29,67	25,94		111,72	76,88	26,31	31,83	63,30	59,85	53,66	103,38	16,93	52,83	72,83
2.12	Đất ở tại đô thị	ODI	99,60			99,60											
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,15	0,30	0,69	7,35	0,89	0,42	0,25	0,14	0,45	1,67	1,45	0,27	0,58	1,36	0,32
2.14	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,21			2,21						0,12		0,04	0,08	0,77	
2.15	Đất cơ sở tôn giáo	TON	48,95	2,65	10,23	5,56	0,95	1,42	1,92	4,56	9,20	0,20	2,34	2,62		6,22	1,07
2.16	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	85,53	6,31	4,92	9,31	0,20	13,70	1,01	6,04	8,80	6,22	6,83	7,21	0,60	7,68	7,59
2.17	Đất SX vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	92,46	17,19	17,56		21,61					12,95	62,99			4,37	
2.18	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,88	0,86	0,20	0,35	0,12	0,22	0,12	0,59	0,41	0,78	0,28	1,19	0,07	0,30	0,38
2.19	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	125,63			0,20	125,32	0,12									
2.20	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	8,73		0,03	0,07	0,74	0,01		0,11	0,56	0,19	1,13	0,37		1,25	4,28
2.21	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	485,31	17,35	44,09	2,71	1,52	1,08	5,37	12,19	69,05	56,47	39,16	13,53	67,33	104,51	50,94
2.22	Đất cơ mặt nước chuyên dụng	MNC	21,13									0,63	4,29			0,14	7,06
2.23	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	7,57														7,57
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.559,71	326,38	82,48		425,47		1,61	343,34	49,95	73,58	8,56		14,64	8,81	224,89